

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA SÚP  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 9 năm 2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Trung Kiên**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Bành Trọng Bình** và bà **Nguyễn Thị Hồng**

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà **Hà Thị Hồng Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa:** Ông **Lê Quý Tinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Ea Súp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2024/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hoàng Thị L** – Sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Lương Văn Kh** – Sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thị L, trình bày:**

Bà và ông Lương Văn Kh chung sống với nhau từ năm 2001. Nhưng đến ngày 03/4/2009, ông bà mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân của ông bà dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không có ai ép buộc.

Trong cuộc sống hôn nhân, khoảng thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Nhưng càng về sau, vợ chồng càng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân là do sự bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông Kh thường xuyên chửi bới, lăng mạ

và đánh đập bà mà không có lý do, mặc dù chính quyền địa phương, hàng xóm đã Kh ngăn nhiều lần nhưng tính tình ông Kh vẫn không thay đổi. Đến nay, bà nhận thấy các mâu thuẫn không thể giải quyết được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Kh.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Lương Văn Kh có 03 con chung là cháu Hoàng Thị K - SN: 25/01/2004; cháu Hoàng Thị M - SN: 03/8/2007 và cháu Lương Văn T - SN: 08/10/2009. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu Hoàng Thị M và Lương Văn T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, còn cháu Hoàng Thị K hiện đã trưởng thành, có thể tự chăm sóc, nuôi sống bản thân nên không yêu cầu. Do đó, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vợ chồng bà L ông Kh không thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, bà L nộp đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng bao gồm các tài sản sau:

1. Thửa đất số 74; Tờ bản đồ số 22; Địa chỉ thửa đất: Thôn 12, xã Cu Kbang, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk. Loại đất: Đất quy hoạch đất ở và đất trồng cây hàng năm. Chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất có tứ cận như sau: Phía Tây giáp nhà ông T dài 73m; Phía Bắc giáp nhà ông B dài 57m; Phía Đông giáp nhà ông K dài 80m; Phía Nam giáp thửa đất số 73 chưa rõ chủ sở hữu dài: 61m. Diện tích khoảng: 3798,1 m<sup>2</sup>.

Tài sản trên đất và cây trồng gồm: 01 nhà ở kết hợp bếp, Nhà sàn gỗ. Diện tích khoảng 196,56 m<sup>2</sup>; 01 Giếng khoan sâu 50m; 01 Cây me thường 08 năm; 01 Cây măng cầu 03 năm; 04 Cây xoài thường 03 năm.

2. Thửa đất số 211; Tờ bản đồ số 22; Địa chỉ thửa đất: Xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Loại đất: Đất rừng.

Thửa đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông N; Phía Tây giáp đường đất; Phía Nam giáp đường đất; Phía Bắc giáp đất ông S.

Diện tích: 73487,5m<sup>2</sup>.

Tài sản trên đất và cây trồng: 1.520 cây điều 07 năm, kinh doanh năm thứ 3 trở đi.

3. Thửa đất số 231; Tờ bản đồ số 101; Địa chỉ thửa đất: Xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Loại đất: Đất rừng.

Thửa đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp thửa đất số 254; Phía Tây giáp đường đất; Phía Nam giáp thửa đất số 252; Phía Bắc giáp đường đất. Diện tích: 9086,3m<sup>2</sup>.

4. Thửa đất số 10; Tờ bản đồ số 109; Địa chỉ thửa đất: Xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Loại đất: Đất rừng.

Thửa đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp thửa đất số 107, tờ bản đồ số 106; Phía Tây giáp thửa đất số 18, tờ bản đồ số 109; Phía Nam giáp thửa đất số

12, tờ bản đồ số 109; Phía Bắc giáp thửa đất số 335, tờ bản đồ số 106. Diện tích: 20150,6m<sup>2</sup>.

**Tài sản khác:**

- 01 xe Honda màu trắng hiệu RSX BKS 47P1-324.22; 01 xe Honda màu đỏ hiệu RSX; 01 xe cày + dàn cày; 01 máy phun thuốc; 01 tủ lạnh trị giá; 01 giường ngủ cũ đã qua sử dụng; 01 Tivi samsung cũ đã qua sử dụng; 01 máy sát lúa cũ đã qua sử dụng.

Số tiền trước đây bà có khai tại Tòa án ông Kh giữ 54.000.000đ là tiền bán ngô từ năm 2022, tại phiên tòa bà xin rút yêu cầu này.

Qua quá trình giải quyết vụ án, bà được biết các thửa đất số 211; Tờ bản đồ số 22; Thửa đất số 231; Tờ bản đồ số 101 và Thửa đất số 10; Tờ bản đồ số 109; Địa chỉ các thửa đất: Xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk là đất rừng thuộc quyền quản lý của UBND xã C. Các thửa đất trên do bà L và ông Kh tự ý khai hoang để sử dụng. Tại thời điểm khai hoang ông bà không biết đó là đất rừng, sau khi biết UBND xã C đang tiến hành thu hồi đối với các thửa đất trên, nên hiện nay bà L không yêu Tòa án chia các thửa đất trên và cây trồng trên đất. Còn các tài sản khác thì yêu cầu Tòa án chia theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Lương Văn Kh đã được Tòa án triệu tập họp lệ và tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, ông Lương Văn Kh đều vắng mặt ở tất cả các buổi làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đã trực tiếp đến làm việc với ông Lương Văn Kh tại Thôn N, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương, nhưng ông Lương Văn Kh không hợp tác làm việc. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Lương Văn Kh về việc giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà L và ông Kh tại nhà thôn trưởng thôn N và hội phụ nữ thôn để có căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do ông Lương Văn Kh vắng mặt ở tất cả các buổi làm việc và không hợp tác với Tòa án trong việc giải quyết vụ án, nên không thống nhất được giá trị tài sản. Do đó, Tòa án đã tiến hành thẩm định và định giá tài sản theo yêu cầu của bà Hoàng Thị L.

Tại biên bản thẩm định và biên bản định giá tài sản ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản đã xác định tài sản chung của vợ chồng bà Hoàng Thị L và ông Lương Văn Kh như sau:

Thửa đất số 74; Tờ bản đồ số 22; Địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Diện tích: 3798,1 m<sup>2</sup>; Loại đất: Đất quy hoạch đất ở và đất trồng cây hàng năm. Chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trị giá lô đất theo khung giá nhà nước là 17.000 đồng/m<sup>2</sup> là:

$3798,1 \text{ m}^2 \text{ đất quy hoạch đất ở và đất trồng cây hàng năm} \times 17.000 \text{ đồng/m}^2 = 64.567.700\text{đ}.$

Tài sản trên đất và cây trồng:

- 01 nhà ở kết hợp bếp xây dựng năm 2016: Nhà sàn gỗ nhóm IV, vách ván, sàn gỗ nhóm IV, không trần, nền đất, mái ngói. Diện tích: 16,8m x 11,7m = 196,56 m<sup>2</sup>. Trị giá căn nhà theo khung giá nhà nước là 2.396.000 đồng/m<sup>2</sup>.

$196,56 \text{ m}^2 \times 2.396.000 \text{ đồng/m}^2 \times 0,927 \times 60\% = 261.946.706\text{đ}$

- 01 Giếng khoan sâu 50m là 13.000.000đ; 01 Cây me thường 08 năm là 522.700đ; 01 Cây măng cầu 03 năm là 291.000đ; 04 Cây xoài thường 03 năm là 296.000đ/cây, tổng giá trị 296.000 đồng  $\times 4 = 1.184.000\text{đ}$ .

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất:  $261.946.706\text{đ} + 13.000.000\text{đ} + 522.700\text{đ} + 291.000\text{đ} + 1.184.000\text{đ} = 276.944.406\text{đ}$ .

#### **Tài sản khác:**

- 01 xe Honda màu trắng hiệu RSX BKS 47P1-324.22, có giá trị là 15.000.000đ; 01 xe Honda màu đỏ hiệu RSX, có giá trị là 10.000.000đ; 01 xe cày + dàn cày, có giá trị là 80.000.000đ; 01 máy phun thuốc, có giá trị là 1.000.000đ; 01 tủ lạnh có giá trị là 2.000.000đ. Tổng cộng là 108.000.000đ.

Như vậy, tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng mà bà Hoàng Thị L là:  $64.567.700\text{đ} + 276.944.406\text{đ} + 108.000.000\text{đ} = 449.512.106 \text{ đồng}$  (Bốn trăm bốn mươi chín triệu năm trăm mười hai nghìn một trăm linh sáu đồng).

Đối với 01 giường ngủ cũ đã qua sử dụng; 01 Ti vi Samsung cũ đã qua sử dụng; 01 máy sát lúa cũ đã qua sử dụng. Theo kiểm tra thực tế và xem xét khấu hao đối với tài sản nêu trên không còn giá trị. Nên hội đồng định giá không định giá đối với các tài sản trên.

Quá trình làm việc bà Hoàng Thị L cho biết, các thửa đất số 211; Tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất: Xã C, huyện E, Loại đất: Đất rừng; Diện tích:  $73.487,5\text{m}^2$ . Thửa đất số 231, tờ bản đồ số 101, địa chỉ thửa đất: Xã C, huyện E Loại đất: Đất rừng; Diện tích:  $9.086,3\text{m}^2$ ; thửa đất số 10, Tờ bản đồ số 109, địa chỉ thửa đất: Xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, Loại đất: Đất rừng, Diện tích:  $20.150,6\text{m}^2$ . Các thửa đất trên do gia đình bà L tự ý khai hoang sử dụng, thời điểm khai hoang không biết đó là đất rừng. Sau khi được biết UBND xã C đang tiến hành thu hồi đối với các thửa đất trên thì bà L không yêu cầu chia tài sản là các thửa đất trên và cây trồng trên đất.

Qua kết quả thẩm định và xác minh ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện E thì được biết các thửa đất trên là đất rừng do Ủy ban nhân dân xã C quản lý. Ông Kh và bà L đã tự ý khai hoang để sử dụng. Hiện nay, Ủy ban nhân dân xã C đang tiến hành thu hồi và lập biên bản vi phạm đối với các hành vi xâm chiếm đất rừng trái phép. Do đó, Ủy ban nhân dân xã C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Súp không tiến hành đo đạc, định giá tài sản và giải quyết đối với các thửa đất trên. Do vậy Hội đồng định giá không tiến hành định giá.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19 tháng 8 năm 2024 nguyên đơn đã được tiếp cận, công khai chứng cứ thống nhất với chứng cứ đã được tiếp cận, công khai và giữ nguyên ý kiến như đã bổ sung, không yêu cầu triệu tập thêm đương sự khác đến tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được Toàn án thông báo hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Lương Văn Kh.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Hoàng Thị L được ly hôn với ông Lương Văn Kh.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị M - SN: 03/8/2007 và Lương Văn T - SN: 08/10/2009 cho bà Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bà L không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con chung nên ông Kh không phải cấp dưỡng nuôi con cho bà L. Còn cháu Hoàng Thị K hiện đã trưởng thành, có thể tự chăm sóc, nuôi sống bản thân, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Cần chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Hoàng Thị L theo quy định của pháp luật và chia cho bà L ngôi nhà nằm trên một phần thửa đất số 74, tờ bản đồ số 22; 01 xe Honda màu trắng hiệu RSX BKS 47P1-324.22, có giá trị là 15.000.000đ; 01 tủ lạnh có giá trị là 2.000.000đ.

Chia cho ông Kh 01 phần thửa đất còn lại của thửa đất số 74, tờ bản đồ số 22; 01 xe Honda màu đỏ hiệu RSX, có giá trị là 10.000.000đ; 01 xe cày + dàn cày, có giá trị là 80.000.000đ; 01 máy phun thuốc, có giá trị là 1.000.000đ.

Bà L có trách nhiệm trả tiền chênh lệch khi chia tài sản chung cho ông Kh.

Về số tiền bà L khai ông Kh giữ 54.000.000đ là tiền bán ngô từ năm 2022, tại phiên tòa bà L rút yêu cầu này nên đề nghị không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Bà Hoàng Thị L và ông Lương Văn Kh có quan hệ vợ chồng. Do mâu thuẫn trong quá trình chung sống, nên bà L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lương Văn Kh, yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật

Quá trình giải quyết vụ án, ông Lương Văn Kh đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong quá trình làm việc ông Lương Văn Kh không hợp tác và vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lương Văn Kh.

## **[2] Về nội dung:**

+ **Về quan hệ hôn nhân:** Hội đồng xét xử nhận thấy bà Hoàng Thị L và ông Lương Văn Kh kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng vào ngày 03 tháng 4 năm 2009, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8 và 9 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy cãi vã. Ông Kh còn chửi bới, đánh đập bà L dẫn đến nhiều lần bà L phải đi ở nhờ nhà hàng xóm. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông Kh là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho bà Hoàng Thị L được ly hôn với anh Lương Văn Kh.

+ **Về con chung:** Quá trình chung sống bà L và ông Lương Văn Kh có 03 con chung là cháu Hoàng Thị K - SN: 25/01/2004; cháu Hoàng Thị M - SN: 03/8/2007 và cháu Lương Văn T - SN: 08/10/2009. Khi ly hôn bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu Hoàng Thị M và Lương Văn T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bà L không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Hoàng Thị K hiện đã trưởng thành, có thể tự chăm sóc, nuôi sống bản thân, nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét về điều kiện và nguyện vọng của 02 cháu Hoàng Thị M và cháu Lương Văn T muốn được ở với bà Hoàng Thị L nên cần chấp nhận giao 02 cháu Hoàng Thị M và Lương Văn T cho bà Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu ông Kh không phải cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu này là tự nguyện nên ông Kh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Hoàng Thị K hiện nay đã trưởng thành, khỏe mạnh, tự lao động nuôi sống bản thân, nên bà L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ **Về tài sản chung:** Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L và ông Kh không thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Nên bà Hoàng Thị L nộp đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng đã kê khai ở trên theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa do vắng mặt ông Lương Văn Kh, nên không thống nhất được việc phân chia tài sản chung. Căn cứ theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án tiến hành phân chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật cho hai bên. Do hai bên đều có công sức và nghĩa vụ đóng góp tạo dựng khối tài sản chung như nhau nên cần chia đôi.

Xét thấy ngôi nhà mà bà Hoàng Thị L và ông Lương Văn Kh đang ở không thể chia làm đôi cho mỗi bên một nửa, nên bên nhận nhà và một phần đất tại Thửa đất số 74; Tờ bản đồ số 22; Địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk sẽ thanh toán tiền chênh lệch cho bên kia. Xét yêu cầu và nguyện vọng của bà L có nhu cầu nhận nhà để nuôi con và một phần thửa đất đang có

nhà trên đó. Căn cứ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình về việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người vợ, căn cứ theo nhu cầu thực tế và điều kiện về chỗ ở của cả hai bên và căn cứ khoản 6 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016. HĐXX nhận thấy cần giao lại ngôi nhà và tạm giao phần đất có ngôi nhà và cây trồng trên phần đất cho bà Hoàng Thị L quản lý, sử dụng là hợp lý. Đối với phần đất còn lại tại Thửa đất số 74; Tờ bản đồ số 22; Địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk sẽ tạm giao cho ông Lương Văn Kh quản lý, sử dụng.

Về các tài sản khác:

- Đối với 01 xe Honda màu trắng hiệu RSX BKS 47P1-324.22, có giá trị là 15.000.000đ; 01 tủ lạnh có giá trị là 2.000.000đ cần giao cho bà Hoàng Thị L quản lý, sử dụng.

- Đối với 01 xe Honda màu đỏ hiệu RSX, có giá trị là 10.000.000đ; 01 xe cày + dàn cày, có giá trị là 80.000.000đ; 01 máy phun thuốc, có giá trị là 1.000.000đ, cần giao cho ông Lương Văn Kh quản lý, sử dụng.

Đối với 01 giường ngủ cũ đã qua sử dụng; 01 Ti vi Samsung cũ đã qua sử dụng; 01 máy sát lúa cũ đã qua sử dụng. Theo kiểm tra thực tế và xem xét khấu hao đối với tài sản nêu trên không còn giá trị. Nên HĐXX không tiến hành chia đối với các tài sản trên.

Đối với số tiền bà L khai ông Kh giữ 54.000.000đ là tiền bán ngô từ năm 2022, tại phiên tòa bà L rút yêu cầu này nên HĐXX đình chỉ không xem xét giải quyết.

**[3] Về chi phí thẩm định, định giá đất:** Buộc hai bên phải chịu chi phí thẩm định và định giá đất, do bà Hoàng Thị L đã nộp tạm ứng tiền chi phí thẩm định và định giá đất là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) nên ông Lương Văn Kh phải trả cho bà Hoàng Thị L số tiền là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

**[4] Về án phí:** Nguyên đơn bà Hoàng Thị L và bị đơn ông Lương Văn Kh thuộc trường hợp là hộ nghèo được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2 Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 228; Điều 235; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57 và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị L.

**[1] Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho bà Hoàng Thị L được ly hôn với ông Lương Văn Kh. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

**[2] Về con chung:** Giao cháu Hoàng Thị M - SN: 03/8/2007 và cháu Lương Văn T - SN: 08/10/2009 cho bà Hoàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu Hoàng Thị K hiện đã trưởng thành, có thể tự chăm sóc, nuôi sống bản thân nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ông Hoàng Văn Kh không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Hoàng Thị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của ông Kh. Chị Hoàng Thị L cùng các thành viên trong gia đình không được ngăn cản ông Kh đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**Về cấp dưỡng nuôi con:** Ông Lương Văn Kh không phải cấp dưỡng nuôi con cho bà Hoàng Thị L.

**[3] Về tài sản chung:**

- Tạm giao cho bà Hoàng Thị L được quản lý, sử dụng một phần Thửa đất số 74; Tờ bản đồ số 22; Địa chỉ thửa đất: Thôn 12, xã Cư Kbang, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk. Thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có vị trí tứ cận như sau:

Phía Tây giáp Thửa đất chia cho anh Kh dài 73m; Phía Bắc giáp Thửa đất của ông B dài 20m; Phía Đông giáp nhà ông K dài 80m; Phía Nam giáp thửa đất số 73 chưa rõ chủ sở hữu dài: 20m. Diện tích tạm tính là 1.530m<sup>2</sup>.

Trị giá tạm tính là 1.530m<sup>2</sup> x 17.000đ/ m<sup>2</sup> = 26.010.000đ.

Trên đất có 01 ngôi nhà ở kết hợp bếp xây dựng năm 2016: Nhà sàn gỗ nhóm IV, vách ván, sàn gỗ nhóm IV, không trần, nền đất, mái ngói. Diện tích: 196,56 m<sup>2</sup>. Trị giá 261.946.706đ. Và các tài sản trên đất bao gồm: 01 Giếng khoan sâu 50m, trị giá 13.000.000đ. 01 Cây me thường 08 năm, trị giá 522.700đ; 01 Cây măng cầu 03 năm, trị giá 291.000đ; 04 Cây xoài thường 03 năm, trị giá 1.184.000đ .

Giao cho bà Hoàng Thị L được sở hữu 01 xe Honda màu trắng hiệu RSX BKS 47P1-324.22, có giá trị là 15.000.000đ; 01 tủ lạnh có giá trị là 2.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản bà Hoàng Thị L nhận được là: 319.954.406 đồng (*Ba trăm mười chín triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm linh sáu đồng*).

- Tạm giao cho ông Lương Văn Kh được quản lý, sử dụng phần còn lại của Thửa đất số 74; Tờ bản đồ số 22; Địa chỉ thửa đất: Thôn 12, xã Cư Kbang, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk. Chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Có vị trí tứ cận như sau:



Phía Tây giáp nhà ông T, cạnh dài 73m; Phía Bắc giáp nhà ông B dài 37m; Phía Đông giáp đất chia cho chị L dài 73m; Phía Nam giáp thửa đất số 73 chưa rõ chủ sở hữu dài: 41m. Diện tích tạm tính là 2.268,1m<sup>2</sup>.

Trị giá tạm tính là 2.268,1m<sup>2</sup> x 17.000đ/m<sup>2</sup> = 38.557.700đ

Giao cho ông Lương Văn Kh được sở hữu 01 xe Honda màu đỏ hiệu RSX, có giá trị là 10.000.000đ; 01 xe cày + dàn cày, có giá trị là 80.000.000đ; 01 máy phun thuốc, có giá trị là 1.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản ông Lương Văn Kh nhận được là: 129.557.700đ (*Một trăm hai mươi chín triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm đồng*).

Buộc bà Hoàng Thị L phải trả lại cho ông Lương Văn Kh số tiền chênh lệch khi chia tài sản chung là 95.198.353đ (*Chín mươi lăm triệu một trăm chín mươi tám nghìn ba trăm năm mươi ba nghìn đồng*).

Đình chỉ không xem xét giải quyết đối với số tiền 54.000.000đ là tiền bán ngô do bà L rút yêu cầu.

**[4] Về chi phí thẩm định, định giá đất:** Buộc hai bên phải chịu chi phí thẩm định và định giá đất, do bà Hoàng Thị L đã nộp tạm ứng tiền chi phí thẩm định và định giá đất là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) nên ông Lương Văn Kh phải trả cho bà Hoàng Thị L số tiền là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

**[5] Về án phí:** Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí HNGĐ và án phí DSST cho nguyên đơn và bị đơn.

**[6] Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS huyện Ea Súp;
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện E;
- UBND xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Phạm Trung Kiên**